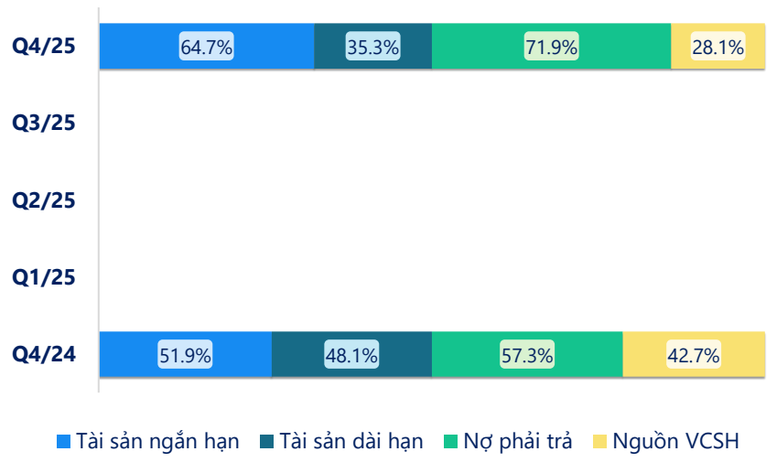
FireAnt

CTCP Sản xuất Thép Việt Long (UPCOM: VLS)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
SL cổ phiếu LH	24,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,715
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	488
P/E	
EPS	

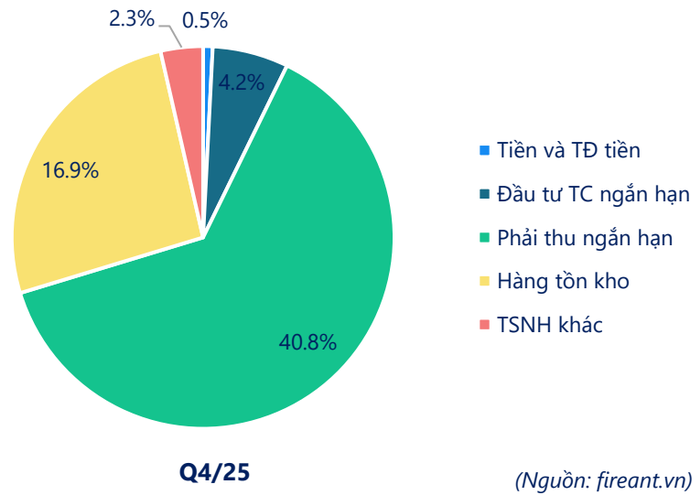
	YTD	1T	3T	6T
VLS	0.0%	6.4%	-9.1%	
VNINDEX	0.0%	1.7%	0.1%	

Cơ cấu Tổng tài sản



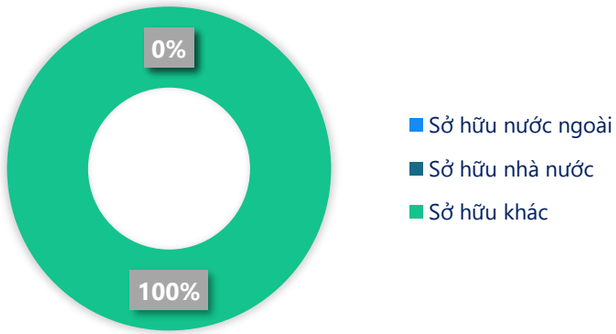
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



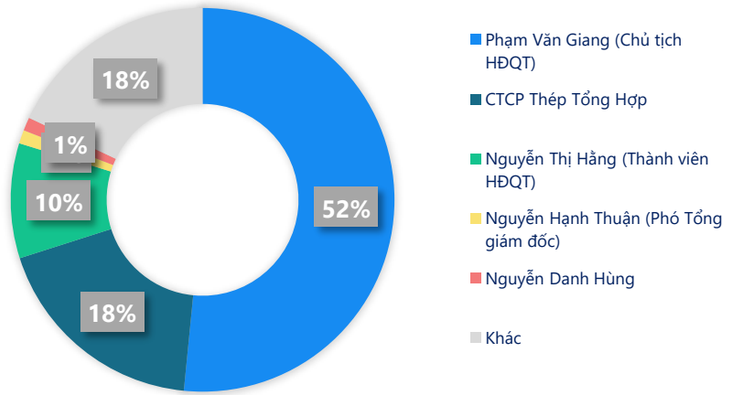
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



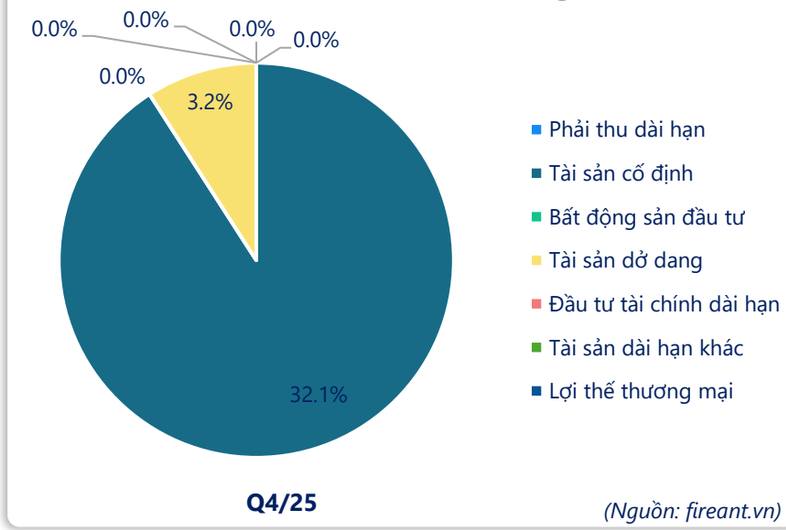
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

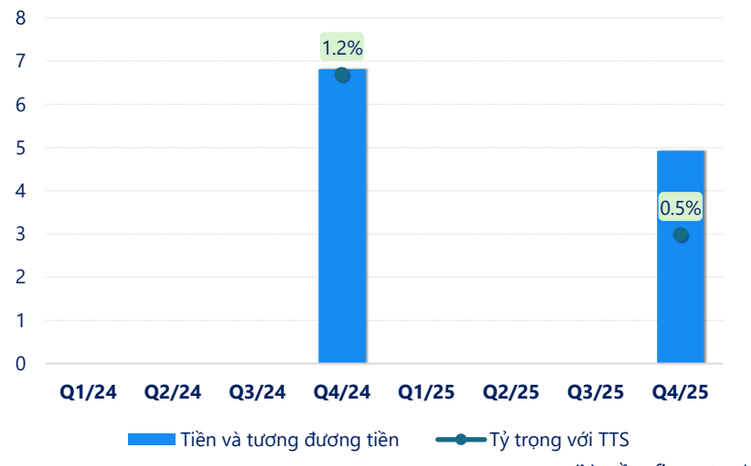


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

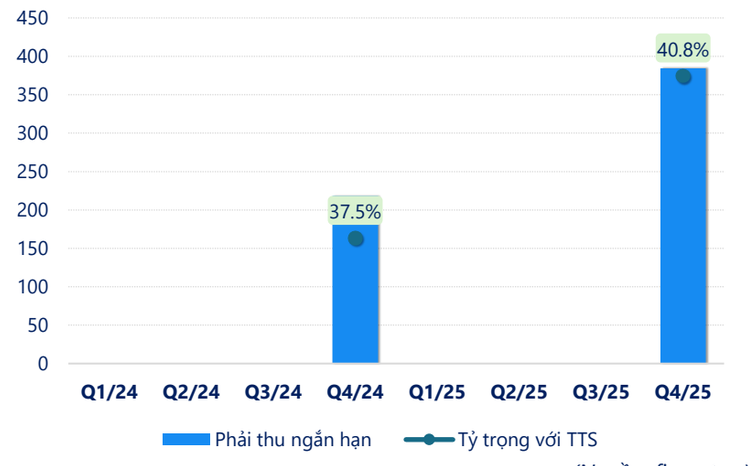
CTCP Sản xuất Thép Việt Long (UPCOM: VLS)

Tiền và tương đương tiền



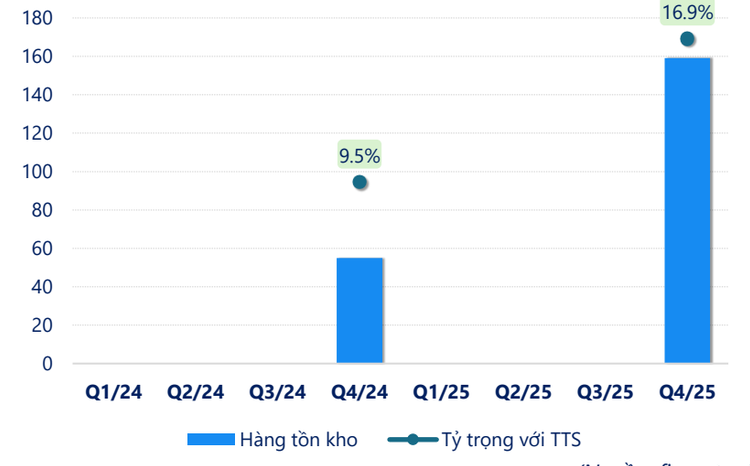
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



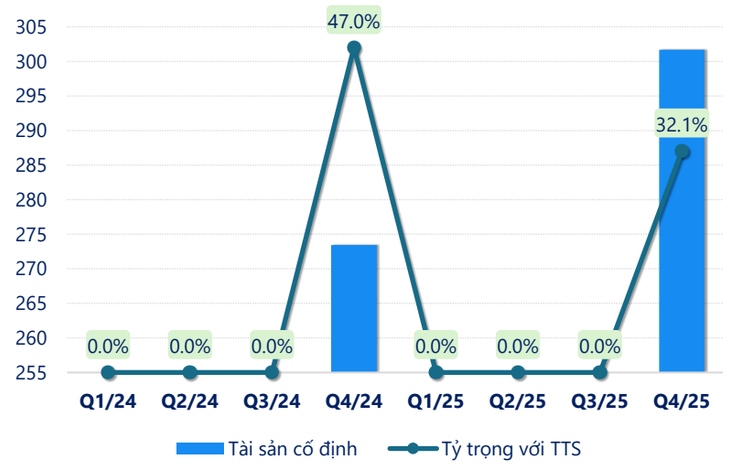
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



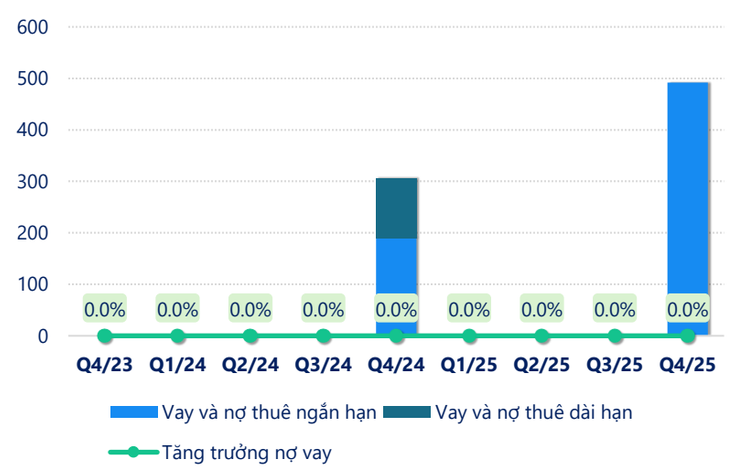
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



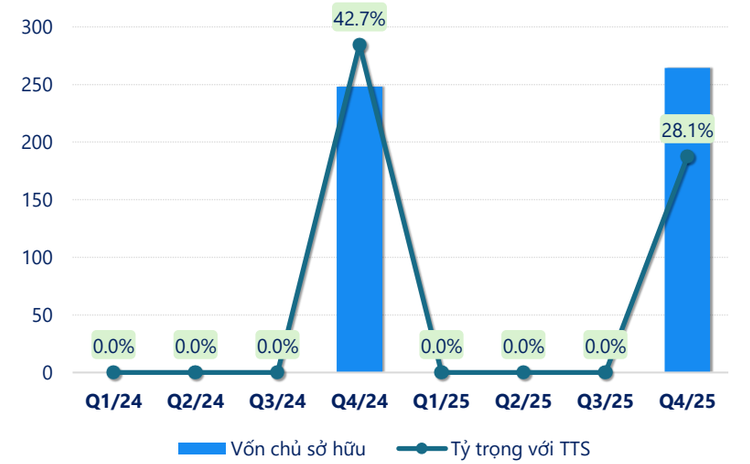
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

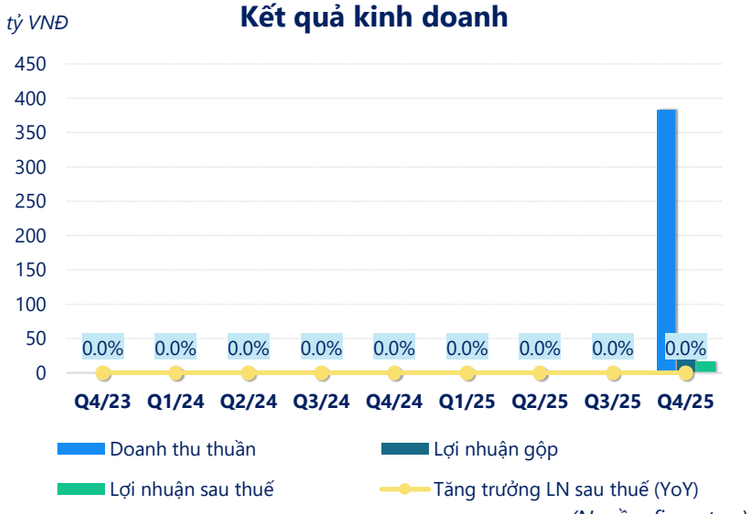
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

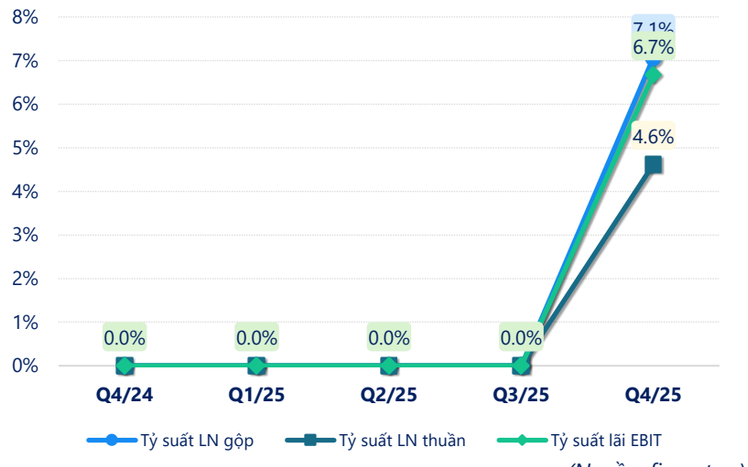
CTCP Sản xuất Thép Việt Long (UPCOM: VLS)

Kết quả kinh doanh



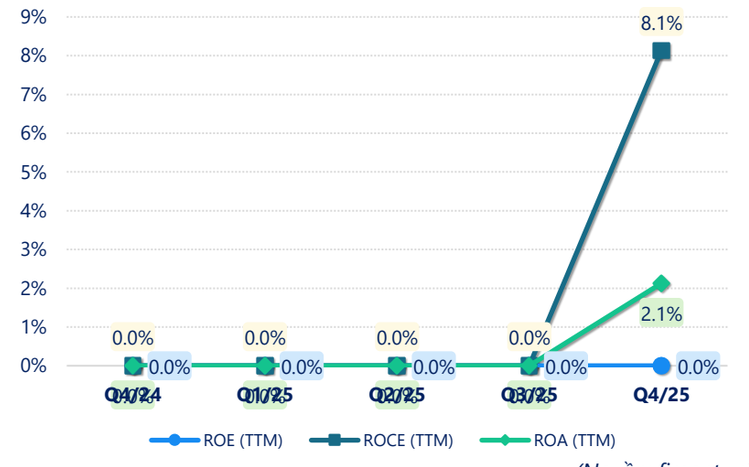
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



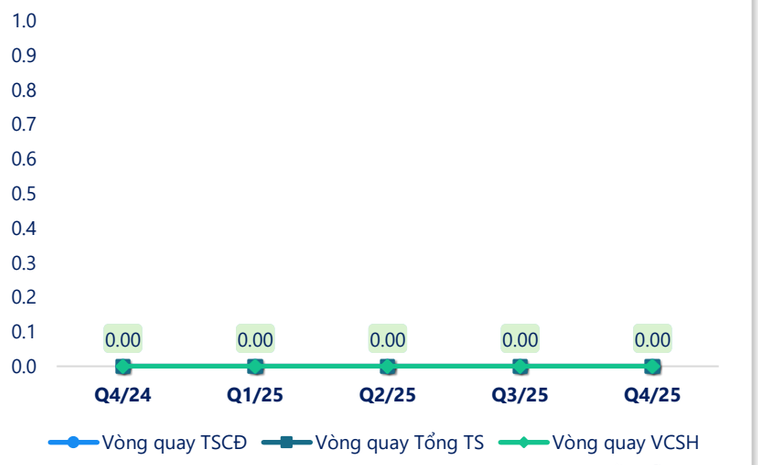
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



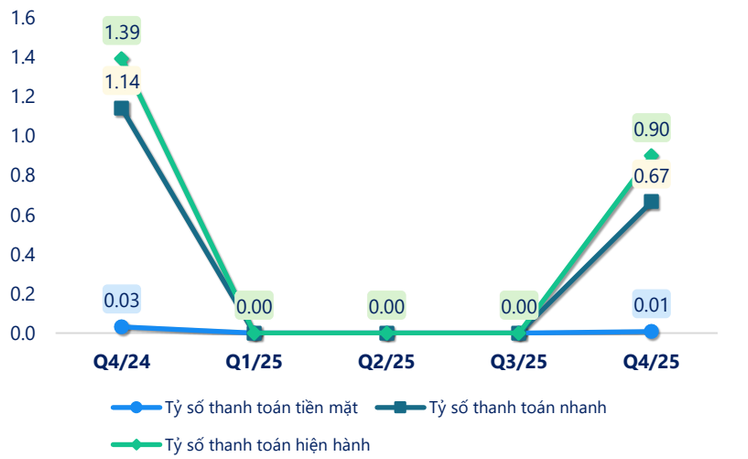
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



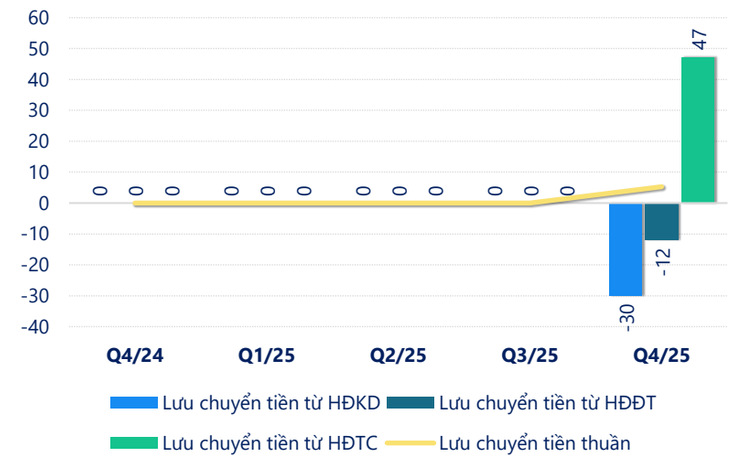
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sản xuất Thép Việt Long (UPCOM: VLS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**941**	**582**	**61.8%**
Tài sản ngắn hạn	609	302	102%
Tiền và tương đương tiền	4.92	6.81	-27.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.1	15.2	157%
Phải thu ngắn hạn	384	218	76.0%
Hàng tồn kho	159	55.0	189%
Tài sản ngắn hạn khác	21.8	6.74	224%
Tài sản dài hạn	**332**	**280**	**18.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	302	273	10.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.2	0.04	76260%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**6.08**	**-100%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	677	333	103%
Nợ ngắn hạn	**677**	**217**	**212%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	492	190	159%
Phải trả người bán ngắn hạn	140	22.1	534%
Nợ dài hạn	0	117	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	117	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**264**	**248**	**6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**264**	**248**	**6.6%**
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần					384
Giá vốn hàng bán					356
Lợi nhuận gộp					27.1
Doanh thu HĐTC					0.78
Chi phí TC					7.87
Chi phí lãi vay					7.87
LN trong công ty LKLD					0
Chi phí bán hàng					0.19
Chi phí QLDN					2.11
LN thuần từ HĐKD					17.7
Lợi nhuận khác					0.00
LN trước thuế					17.7
Lợi nhuận sau thuế					16.2
LNST của CĐ cty mẹ					16.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	-30.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-12.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	47.3
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	15.7
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**5.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	20.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic